

Ngay từ đầu thế kỷ 20 lý thuyết kinh tế đương thời đã tiếp cận khái niệm tài sản vô hình (intangible assets) bằng cách nhận diện được giá trị vô hình (intangible value) của một tài sản kinh doanh không trông thấy và không tồn tại dưới dạng vật chất; không sờ mó được nó và chỉ có thể cảm nhận được bằng lý trí, để đặt nền tảng cho khái niệm tư bản vô hình ra đời. Tư bản vô hình được đánh giá là một biến số phát triển của các nước tiên tiến thời bấy giờ, như Mỹ (tạm lấy nước này làm đối tượng khảo sát) các nhà kinh tế học đã nhận diện được hai nét đặc biệt của một nền kinh tế tiên tiến là: một, việc sử dụng cơ giới rất lớn, nghĩa là lấy các tính lực vô tri vô giác thay cho nhân công trong quá trình chế hóa, sử dụng than đá, dầu mỏ, và nước

v.v..thành ra những tính lực thích nghi để ứng dụng vào sản xuất tại những địa điểm thuận tiện và những thời gian thích đáng; hai, có sự trao đổi tin tức (nay gọi là thông tin) rộng lớn trong quá trình sản xuất. Tư bản vô hình thể hiện ở đây là sự quen thuộc của chúng ta với kỹ thuật, cơ giới trong cuộc sống hằng ngày. Cụ thể là một sinh viên có thể tự sửa chữa, bảo trì chiếc xe máy cũ của mình để đi lại nhanh hơn, người chủ nhà cũng hiểu biết cơ bản về nối dây điện, lắp cầu chì, trồng cây kiểng và bơm nước từ giếng lên để sử dụng...nhưng đối với người dân ở các nước chậm tiến châu Á, châu Phi thì họ khó có thể nắm bắt được những kiến thức kỹ thuật cơ bản như thế, vì họ chỉ được sống trong các túp lều thô sơ không được trang bị máy móc dụng cụ như trong căn nhà của người Mỹ. Điểm mạnh của hoạt động kinh tế của các nước đã phát triển thời bấy giờ là sự chuyên môn hóa theo dây chuyền sản xuất ngày một cao hơn, kết hợp với nhiều thông tin liên lạc, nên đã đạt tới mức hiệu quả cao trong sản xuất công nghiệp. Hai ví dụ trên đây là quan trọng và tiêu biểu trong việc định hình "tư bản vô hình" và cũng được đánh giá là "biến số kinh tế" (1).

Năm mươi năm sau của thế kỷ 20, việc sử dụng năng lượng hạt nhân, chuyển nhiệt năng thành hóa năng và cơ năng để áp dụng vào quy trình sản xuất công nghiệp để làm ra

máy móc, hàng hóa và dịch vụ ngày một cao hơn nhiều hơn để phục vụ con người tốt hơn đồng thời các nhà lý luận cũng minh định được rằng, tư bản vô hình, có cái có thể mua được và có cái không thể mua được, mà phải nhờ sự tích tụ của một quá trình lịch sử phát triển lâu dài của con người trong một cộng đồng, một quốc gia mới có được, như cơ cấu chính trị xã hội ổn định, sự phát huy của hiến pháp, một nền dân chủ thật sự tiến bộ, một bộ luật thương mại khả thi có

GIÁ TRỊ VÔ HÌNH TRONG THƯƠNG MẠI VÀ CHUẨN MỰC QUỐC TẾ KẾ TOÁN ĐỐI VỚI LOẠI TÀI SẢN NÀY

Luật gia NGÔ NGỌC BỬU

điều chỉnh việc cạnh tranh lành mạnh, hạn chế độc quyền; hoặc một bộ dân luật có nội dung gắn chặt các mối quan hệ phát triển quyền lợi vật chất với nhân thân con người từ khi mới sinh ra cho đến khi lập di chúc định đoạt tài sản, một cách xuyên suốt...Tất cả là một quá trình xây dựng, tồn tại sinh động và phát triển có kỷ cương, trật tự, đã làm tiền đề cho nền kinh tế phát triển. Từ việc tiếp cận tư bản vô hình và thông qua giá trị vô hình, để có thể tiến tới hạch toán kế toán được tài sản vô hình là một bước đi khá dài trong khoa học tài chính và kinh doanh.

I. PHÁP LUẬT HÓA GIÁ TRỊ CỦA TÀI SẢN VÔ HÌNH

Tại những quốc gia mà hiến pháp của họ gắn kết quan hệ thương mại với nền kinh tế thị trường, thì họ dễ dàng pháp chế hóa giá trị tài sản vô hình một cách minh bạch trong luật thương mại của mình, cụ thể như việc xác định khái niệm cửa hàng thương mại là gì? "Cửa hàng thương mại gồm tất cả các tài vật, động sản hợp thành một khối đem sung dụng vào hoạt động thương mại. Cửa hàng thương mại gồm có khách hàng là yếu tố chính và tất cả các tài vật khác cần thiết cho việc mở cửa hàng, như bảng hiệu, thương hiệu, quyền thuê mượn, dụng cụ, khí cụ, hàng hóa, giấy phép, bằng sáng chế, nhãn hiệu chế tạo, hình vẽ, kiểu mẫu và quyền sở hữu về mỹ thuật. Cửa hàng thương mại có tính chất của một động sản vô hình. Và, khi chuyển nhượng cửa hàng này

thì phải lập giao ước bằng công chứng thư hoặc tư chứng thư có trước bạ..." (2) Ở đây, ta thấy có 2 loại tài sản vô hình là: loại tài sản vô hình có khả năng xác định được, gồm thương hiệu, bằng sáng chế, nhãn hiệu, kiểu mẫu và quyền sở hữu mỹ thuật... và loại tài sản vô hình không xác định được, bao gồm lòng trung thành, mền mộ của khách hàng, tính hiệu quả do phục vụ nhà nhận, mau lẹ của nhân viên cửa hàng và những ấn tượng tốt về cửa hàng...và, sau cùng người ta chỉ

có thể xác định được giá trị của loại tài sản này khi cửa hàng, doanh nghiệp được đem bán cho một chủ sở hữu khác. Điều này đã xảy ra tại TP.HCM khi một công ty nước ngoài mua lại xí nghiệp sản xuất kem đánh răng P/S với giá trị chung là 8 triệu USD trong đó phần giá trị tài sản vô hình xác định được cộng với

tài sản vô hình và uy tín không xác định được chiếm tỷ trọng đáng kể.

Tại nước ta hiện nay, khái niệm tài sản vô hình chưa được quy định trong Luật thương mại ban hành năm 1997; nên câu hỏi đặt ra là việc chưa quy định này có gây bất lợi cho nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp tại VN hay không? Khái niệm tài sản vô hình có điều gì mâu thuẫn với tư tưởng kinh tế và pháp chế nước ta không? Tuy nhiên, dòng chảy của khoa học và tri thức vẫn phải tiến bước không ngừng bên cạnh việc quốc tế hóa thương mại và công nghệ ngày càng cao hơn về chất cũng như về lượng, nên các tổ chức tài chính quốc tế đã có hướng dẫn về việc này, áp dụng chung cho toàn cầu.

II. HƯỚNG DẪN CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN VÔ HÌNH

Trong những năm gần đây, nhu cầu hạch toán kế toán tài sản vô hình còn gọi tài sản phi vật chất là một vấn đề cấp thiết, nên Ngân hàng thế giới trong tư liệu *Các chuẩn mực kế toán quốc tế*, có hướng dẫn thực hành việc hạch toán kế toán tài sản vô hình như sau:

1. International Accounting Standards (IAS) nêu vấn đề đặt ra cho việc kế toán tài sản phi vật chất là cần phải quy định rõ các khía cạnh chủ yếu như sau: (a) công nhận là một tài sản; (b) quyết định giá trị mang sang; (c) quyết định và hạch toán lỗ do giảm giá trị; (d) các yêu cầu về công bố. Tài khoản tài sản phi vật

chất (IAS38) được áp dụng cho tất cả các tài sản phi vật chất không được ấn định chi tiết trong các IAS khác. Ví dụ cụ thể, gồm các nhãn hiệu sản phẩm, phần mềm vi tính, giấy phép kinh doanh, đặc quyền kinh tiêu và tài sản phi vật chất trong quá trình phát triển.

2. Để hạch toán kế toán, phải dựa trên một số chuẩn mực cơ bản là:

a. Một tài sản phi vật chất là một tài sản không phải là tiền, có thể xác định được mà không cần có nội dung vật chất; tài sản này được sử dụng trong sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa và dịch vụ, cho các bên khác thuê hoặc mục đích hành chính. Một tài sản như vậy được kiểm soát và khác biệt rõ với giá trị lợi thế của một doanh nghiệp.

b. Một tài sản phi vật chất được công nhận là một tài sản, theo quy định chung, khi: có khả năng là DN sẽ thu được các lợi ích kinh tế tương lai của tài sản này và, giá trị của tài sản có thể tính toán và nhận định một cách chắc chắn. Tất cả các chi phí liên quan đến tài sản phi vật chất được tính vào chi phí, ví dụ nghiên cứu khoa học, đào tạo, quảng cáo và chi phí khởi đầu công việc...

c. Giá trị lợi thế phát sinh nội bộ, nhãn hiệu thương mại, tên công bố, quyền ấn bản, danh sách khách hàng và các khoản tương tự về nội dung, không được công nhận là tài sản.

d. Một tài sản phi vật chất cần được tính toán ngay từ ban đầu theo chi phí xem tài sản đó có được từ bên ngoài hay phát sinh trong nội bộ. Chi phí tài sản phi vật chất tiếp sau được công nhận là chi phí nếu nó khôi phục được chuẩn mực của tài sản đó. Những chi phí này được chuyển thành vốn khi DN có khả năng thu được các lợi ích kinh tế lớn hơn chuẩn mực được thực hiện ban đầu. (3)

Và Ngân hàng thế giới cũng không quên hướng dẫn việc khấu hao tài sản cố định phi vật chất và thời hạn sử dụng của các tài sản này.

e. Một tài sản phi vật chất được khấu hao theo phương pháp hệ thống với dự tính tốt nhất về vòng đời sử dụng. Có một giả định gây tranh cãi là vòng đời sử dụng

của một tài sản phi vật chất không quá 20 năm kể từ ngày có tài sản để sử dụng.

Phương pháp khấu hao được sử dụng cần phản ánh cách thức mà doanh nghiệp sử dụng các lợi ích kinh tế của tài sản. Nếu cách thức đó không thể quyết định một cách chắc chắn thì phương pháp ngang bằng sẽ được áp dụng.

Nếu giả định 20 năm không được chấp nhận thì tài sản phi vật chất sẽ được kiểm tra hao mòn hàng năm và lý do không chấp thuận giả định này phải được công bố.

Để đánh giá xem liệu một tài sản phi vật chất có bị giảm giá trị không, doanh nghiệp cần áp dụng IAS 36: giảm giá trị tài sản. Ngoài ra, chuẩn mực này yêu cầu doanh nghiệp ít nhất là hàng năm, dự tính số có thể thu hồi được từ một tài sản phi vật chất vẫn chưa có để sử dụng.

Trong trường hợp hợp nhất kinh doanh, chi phí cho một tài sản phi vật chất không đáp ứng cả tiêu chí xác định lẫn tiêu chí công nhận cho một tài sản phi vật chất thì cần tạo nên một phần cho giá trị lợi thế.

Trong một số luật định, phí khấu hao hàng năm cho một tài sản phi vật chất sẽ khác với số giảm trừ được cơ quan thuế cho phép. Thu thuế về sau cần được dự phòng cho số chênh lệch này, theo IAS 12.

IAS này đưa ra những quy định tạm thời khác nhau dựa trên cách thức mà doanh nghiệp báo cáo đã công nhận tài sản phi vật chất trước đây.

Ngày nay, khái niệm tài sản vô hình đã trở thành một thực tế khách quan, tồn tại và hiện hữu trong kế toán thương mại; luật của nhiều quốc gia đã thể chế hóa để đem lại thuận lợi trong quan hệ thương mại và nhất

là đầu tư của nước ngoài vào các nước đang phát triển như nước ta. Đối với việc tiếp nhận đầu tư nước ngoài (FDI) thì xin đừng biến nước ta thành một "bãi rác công nghệ" của các công ty sản xuất hàng hóa có tầm vóc quốc tế. Khi họ có một quy trình sản xuất mà công nghệ sắp đến giai đoạn lỗi thời, hoặc gây ô nhiễm môi trường, thì họ tìm một quốc gia đang cần đầu tư máy móc như nước ta để chuyển công nghệ sắp lỗi thời đó dưới hình thức đầu tư mới hay bằng nhiều cách tiếp thị để bán đi cái công nghệ không còn giá trị phi vật chất, để rồi họ tạo dựng tại nước họ một quy trình công nghệ tân tiến, hiện đại hơn, môi trường ít bị ô nhiễm hơn. Cho nên việc tiếp nhận đầu tư cần có chọn lọc, có tầm nhìn xa thấy rộng về tương lai đất nước nhiều hơn khi xét duyệt để tiếp nhận các dự án đầu tư trong lãnh vực này. Ví dụ cụ thể là một khu công nghiệp tại phía nam đã tiếp nhận một nhà máy sản xuất bột ngọt của nước ngoài đầu tư, như một thắng lợi của việc tiếp nhận công nghệ có giá trị kinh tế thời bấy giờ để cả nước khỏi nhập khẩu bột ngọt. Nhưng thời ấy, đã 10 năm rồi, chúng ta chưa cảm nhận được rằng công nghệ sản xuất bột ngọt gây ra gánh nặng xử lý chất thải, dẫn đến ô nhiễm môi trường nếu không có quy trình xử lý chất thải công nghiệp hoàn chỉnh? Và, trình độ ý thức về thực phẩm, ta cũng chưa thấy rằng bột ngọt là một chất hóa học chỉ có tác dụng đánh lừa vị giác con người mà không đem lại nguồn lợi ích bổ dưỡng nào cho cơ thể con người. Đã là hóa chất, nếu sử dụng không đúng liều lượng thì có thể gây độc hại hôm nay hoặc về lâu về dài, cho nên, nó đã bóp chết cái giá trị vô hình trong kinh tế học của chúng ta. Giống như cái chết của con

thiên nga màu trắng đã được báo trước? ■



Tư liệu tham khảo

- (1) John - M. Hunter, "Vấn đề gây tư bản trong các nước hậu tiến", tập san *Nghiên cứu hành chính*, Học viện Quốc gia HG, Sài Gòn, số 9.1957, trang 95 - 103
- (2) Dựa theo Luật thương mại nước Pháp (1935) và Luật thương mại, Sài Gòn 1973
- (3) Marius Koen and Hennie V. Greuning, *International Accounting Standard*, The Word bank, Nxb chính trị quốc gia (dịch) Hà Nội, 2001 trang 289 - 290.